

Bản án số: 29/2024/DS-PT

Ngày: 29-01-2024

V/v Tranh chấp yêu cầu CDHV cản trở QSD đất,
yêu cầu huỷ quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm

Ông Phan Minh Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, yêu cầu huỷ quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phù Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2023/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Khắc M, sinh năm 1955 (có mặt)

Bà Võ Thị N, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: B N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/01/2024) (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2. Vợ chồng ông Lê Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1967 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Chị **Lê Thị Thanh D1**, sinh năm 1991 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.**

4. Chị **Lê Thị Thu D2**, sinh năm 1993 (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.**

5. Ông **Trần Xuân H2**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: **Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.**

6. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Phù Mỹ

Địa chỉ: Khu phố Trà Quang, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của **UBND huyện P**: Ông **Phan Xuân V** – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (theo Giấy ủy quyền số 20/GUQ-UBND ngày 22/12/2023) (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Đoàn Thị D** trình bày:*

Ngày 26/04/2021, bà có nhận chuyển nhượng một thửa đất của hộ bà **Lê Thị B**, đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² (trong đó 200m² đất ở, 420m² đất hàng năm khác tại **thôn A, xã M**). Hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên được **UBND xã M** chứng thực vào ngày 26/04/2021, số vào sổ 97, quyển số 01/2021/SCT/HĐ được **Văn phòng Đ chi nhánh huyện P** đăng ký biến động, điều chuyển sang tên cho bà trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/2021. Sau khi nhận chuyển nhượng bà **D**, ông **H2** tiến hành phát dọn đồ vật liệu xây dựng nhà ở thì vợ chồng ông **M**, bà **N** đến ngăn cản không cho vợ chồng bà xây dựng. Bà **D** yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của bà.

Đối với yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² (trong đó 200m² đất ở, 420m² đất hàng năm khác) tại **thôn A, xã M**, bà **Đoàn Thị D** không chấp nhận.

*Bị đơn ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** trình bày:*

Ngày 27 tháng 10 năm 1968, ông **M** có mua của bà **Nguyễn Thị N1**, ngụ tại **Ấp A, xã M, quận P, tỉnh Bình Định**. Nay là **Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định** hai lô đất ruộng gồm:

- Lô đất ruộng thứ nhất có số hiệu 1659, tờ bản đồ số 01, diện tích 01 sào. Thửa đất có tứ cận: Bắc giáp số hiệu 1659; Nam giáp số hiệu 1668 - 1659; Đông giáp số hiệu 1661-1662 và Tây giáp số hiệu 1658.

- Lô đất ruộng thứ hai có số hiệu 1655, tờ bản đồ số 01, diện tích 1 sào 06 thước. Thửa đất có tứ cận: Bắc giáp số hiệu 1654; Nam giáp số hiệu 1535; Đông giáp số hiệu 1658 và Tây giáp số hiệu 1657 -1656. (có trích lục Đại Nam - **T - C**). Hiện nay

là thửa đất số 993, diện tích 642m². Địa chỉ thửa đất tại **Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**.

Sau giải phóng năm 1975 đất nước ta bước vào thời kỳ Hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó đất đai của các cá nhân trong đó có diện tích đất của cha mẹ ông đều được đưa vào Hợp tác xã để cùng sản xuất. Đến thời kỳ đất nước đổi mới chế độ đất Hợp tác xã không còn nữa, giải thể, kinh tế nước ta bước sang thời kỳ đổi mới, và thực hiện chính sách cải cách về đất đai. Nhưng hai lô đất ruộng của ông vẫn sử dụng. Khi **Hợp tác xã M1** quy hoạch làm chợ thì thửa đất của bà **B** lúc này đang nằm trong diện quy hoạch làm chợ của **Hợp tác xã M1**. Hợp tác xã yêu cầu bà **B** dời nhà đi giao diện tích đất cho Hợp tác xã, bà **B** ở tạm trên thửa đất của ông.

Sau khi chợ được dời đi nơi khác, bà **B** cũng mua đất xây nhà sống ở nơi khác. Nhưng Hợp tác xã vẫn không trả đất lại cho ông. Từ khi bà **B** dời đi ở chỗ khác thì ngôi nhà cũ của bà **B** xây dựng ở tạm trên thửa đất của tôi bỏ hoang không ai sử dụng. Tuy nhiên sự việc ông không biết như thế nào mà thửa đất của ông bà **B** mượn ở tạm lại được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất của ông cho bà **B**, thửa đất số 993 tờ bản đồ số 12, diện tích 642m², tọa lạc tại **thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**. Được **UBND huyện P** cấp ngày 16/6/1997. Đến ngày 06/5/2021 bà **B** bán lại thửa đất trên cho bà **Đoàn Thị D**. Sau đó bà **D** dọn đất xây nhà ở thì ông mới biết thửa đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **B**. Việc bà **B** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nêu trên thì ông không được biết.

Như vậy việc bà **Lê Thị B** trong quá trình ở tạm trên thửa đất của ông lại có hành vi tự ý kê khai, đăng ký và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nêu trên và bán cho người khác mà không được sự đồng ý của ông là hành vi phạm quy định về pháp luật đất đai, mặt khác **UBND huyện P** khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **B** thì không có ký giáp ranh không đúng quy trình cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân hoặc hộ gia đình, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông được pháp luật bảo vệ.

Nay căn cứ vào các quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông không bị xâm phạm, **UBND huyện P** cấp quyền sử dụng đất cho bà **B** không đúng đối tượng vì vậy ông kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **Lê Thị B** thửa đất số: 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m², tọa lạc tại **thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**. Được **UBND huyện P** cấp ngày 16/06/1997. Buộc bà **Đoàn Thị D** phải trả lại thửa đất nêu trên cho ông sử dụng theo đúng quy định của pháp luật, thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m², tọa lạc tại **thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định**. Được **UBND huyện P** đăng ký biến động vào ngày 06/05/2021 cho bà **Đoàn Thị D**. Bà **D** yêu cầu vợ chồng ông chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà tại thửa đất nói trên vợ chồng ông không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lê Thị B** trình bày: Hộ gia đình bà cùng với các em bà là **Lê Văn H** và vợ ông **H** là **Nguyễn Thị H1** và các con của vợ chồng ông **H1** được nhà nước cân

đổi cấp quyền theo Nghị định 64 của Chính phủ cho hộ gia đình của bà gồm: Các thửa đất số 1389, diện tích 576m²; thửa số 719, diện tích 528m²; thửa số 993, diện tích 442m² đất vườn và 200 m² đất ở; thửa số 1147, diện tích 590m² đất 2 lúa; thửa số 1148, diện tích 1336m² đất 2 lúa tại thôn A, xã M, huyện P, Bình Định. Theo giấy chứng nhận số 1948-QSĐĐ/010 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1997.

Nay vợ chồng ông M, bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình chúng tôi là tôi không chấp nhận, bà yêu cầu tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ông Lê Văn H, bà Lê Thị H3, chị Lê Thị Thanh D1, chị Lê Thị Thu D2 thống nhất như lời trình bày ở trên của chủ hộ bà Lê Thị B. Việc vợ chồng ông M, bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 933, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m², tọa lạc tại thôn A, M, P, Bình Định là không chấp nhận, yêu cầu xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ông Trần Xuân H2 trình bày: Ông H2 thống nhất như lời trình bày ở trên của nguyên đơn bà Đoàn Thị D (Bà D là vợ ông H2). Ông H2 yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tại thửa đất số 933, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² để vợ chồng ông sử dụng. Ông H2 không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông M, bà N tại thửa đất số 933, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m².

4. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Khi thực hiện cân đối giao quyền cho hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trên địa bàn xã M theo Nghị định 64 của Chính phủ thì thửa đất số 933, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² được cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị B, số vào sổ 1948.QSĐĐ/D10 ngày 16/6/1997 của UBND huyện P. Việc ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 1948.QSĐĐ/D10 ngày 16/6/1997 của UBND huyện P cấp cho hộ bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị D. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc M và bà Võ Thị N.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Khắc M và bà Võ Thị N chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với hộ bà Đoàn Thị D, ông Trần Xuân H2 thực hiện quyền sử dụng thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m². Trong đó 200 m² đất ở, 442 m² đất vườn tọa lạc tại A, M, P, Bình Định theo giấy chứng nhận số 1948.QSĐĐ ngày 16/6/1997 của UBND huyện P.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1948.QSĐĐ/D10 ngày 16/6/1997 của UBND huyện P tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² tọa lạc tại A, M, P, Bình Định và yêu cầu bà Đoàn Thị D trả lại đất cho ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N sử dụng, vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, về quyền kháng cáo và về quyền, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 06/10/2023 bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1948/QSDĐ/D10 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 16/6/1997 cho hộ bà Lê Thị B tại thửa đất số 933 tờ bản đồ số 12 diện tích 642m² tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B vắng mặt; Vợ chồng ông Lê Văn H và Nguyễn Thị H1, chị Lê Thị Thanh D1, chị Lê Thị Thu D2, ông Phan Xuân V là người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² (trong đó có 200m² đất ở, 442m² đất trồng cây hàng năm khác) được Nhà nước cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị B theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 16/6/1997, Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1948.QSDĐ/D10 ngày 16/6/1997 cho hộ bà B.

Ngày 26/4/2021, bà Đoàn Thị D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ bà Lê Thị B tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m². Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã M chứng thực, được Văn phòng Đ chi nhánh huyện P đăng ký biến động, chuyển sang tên cho bà Đoàn Thị D vào ngày 06/5/2021.

Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà Đoàn Thị D, ông Trần Xuân H2 tiến hành dọn đất đổ vật liệu để xây dựng nhà ở thì vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N đến ngăn cản không cho sử dụng. Ông M, bà N cho rằng thửa đất trên là của ông M, bà N. Bà D, ông H2 yêu cầu vợ chồng ông M, bà N phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp tại thửa đất nói trên để ông bà được sử dụng.

Hành vi của vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng bà Đoàn Thị D, ông Trần Xuân H2 được Nhà nước công nhận tại khoản 7, khoản 9, khoản 16 Điều 3, khoản 10 Điều 12, Điều 97, Điều 99, Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N cho rằng thửa đất

trên là của ông bà nên ngăn cản không cho vợ chồng bà D, ông H2 sử dụng là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² để vợ chồng bà D, ông H2 sử dụng.

[2.2] Vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N yêu cầu Tòa hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1948.QSDĐ/D10 ngày 16/6/1997 của UBND huyện P cấp cho hộ bà Lê Thị B tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² tọa lạc tại thôn A, M, P, Bình Định (thửa đất này đã chuyển nhượng cho bà D), yêu cầu bà Đoàn Thị D trả lại thửa đất cho vợ chồng ông bà sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chính sách đất đai, vợ chồng ông M bà N đã đưa thửa đất trên vào Hợp tác xã để nhà nước quản lý. Khi thực hiện cân đối giao quyền cho hộ gia đình cá nhân sử dụng trên địa bàn xã M theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² được cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị B, vợ chồng ông M, bà N biết nhưng vợ chồng ông bà không yêu cầu khiếu nại gì và cũng không đòi lại thửa đất trên.

[2.3] Ngoài ra, đại diện UBND huyện P khẳng định quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích tại mục [2.1], [2.2] và [2.3] xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Khắc M và bà Võ Thị N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1948.QSDĐ/D10 ngày 16/6/1997 của UBND huyện P tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² tọa lạc tại A, M, P, Bình Định và yêu cầu bà Đoàn Thị D trả lại đất cho ông Nguyễn Khắc M, bà Võ Thị N sử dụng là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông M, bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông M, bà N không phải chịu.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc và định giá tài sản: Ông Nguyễn Khắc M và bà Võ Thị N phải chịu 5.000.000 đồng, bà D đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên ông M, bà N phải hoàn trả lại cho bà D 5.000.000 đồng.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông M bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 164,169 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 5,7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đoàn Thị D**. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N**.

Buộc vợ chồng ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với hộ bà **Đoàn Thị D**, ông **Trần Xuân H2** thực hiện quyền sử dụng thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m². Trong đó 200m² đất ở, 442m² đất vườn tọa lạc tại **A, M, P, Bình Định** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1948.QSDĐ ngày 16/6/1997 của **UBND huyện P**.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1948.QSDĐ/D10 ngày 16/6/1997 của **UBND huyện P** tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 12, diện tích 642m² tọa lạc tại **A, M, P, Bình Định** và yêu cầu bà **Đoàn Thị D** trả lại đất cho ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** sử dụng, vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông **Nguyễn Khắc M** số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông **Nguyễn Khắc M** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008764 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

Hoàn trả lại cho bà **Đoàn Thị D** số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà **Đoàn Thị D** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008498 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông **Nguyễn Khắc M** 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009281 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

4. Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ buộc vợ chồng ông **Nguyễn Khắc M**, bà **Võ Thị N** phải chịu 5.000.000 đồng. Ngày 13/5/2022 bà **Đoàn Thị D** đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 5.000.000 đồng nên vợ chồng ông **M**, bà **N** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà **D** số tiền 5.000.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Mỹ;
- CCTHADS huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà